

Số: 559/QĐ-CTK

Hòa Bình, ngày 21 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2023
của Cục Thống kê tỉnh Hòa Bình

CỤC TRƯỞNG CỤC THỐNG KÊ TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Thông báo số 195/TB-TCTK ngày 09/8/2024 của Tổng Cục Thống kê về việc xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2023 cho Cục Thống kê tỉnh Hòa Bình;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2023 của Cục Thống kê tỉnh Hòa Bình (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính, Kế toán Cục và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Cục Thống kê Hòa Bình chịu trách nhiệm thi hành quyết định

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ KHTC-TCTK;
- Lãnh đạo CTK;
- Lưu: VT, TCHC.



Trần Văn Thạch



Đơn vị: Cục Thống kê Hòa Bình
 Chương: 013

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2017 của Bộ Tài Chính

CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN THU - CHI NSNN NĂM 2023
 (Kèm theo Quyết định số 559/QĐ-CTK ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Hòa Bình)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc	Văn phòng Cục Thống kê	Chi cục Thống kê khu vực Hòa Bình - Đà Bắc	Chi cục Thống kê khu vực Tân Lạc - Cao Phong	Chi cục Thống kê khu vực Lạc Sơn - Yên Thủy	Chi cục Thống kê khu vực Kim Bôi - Lạc Thủy	Chi cục Thống kê huyện Lương Sơn	Chi cục Thống kê huyện Mai Châu
1	2	3	4	5=3-4	6=7+...+13	7	8	9	10	11	12	13
A	Quyết toán thu											
I	Số thu phí, lệ phí											
II	Chi từ nguồn thu được để lại											
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN											
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	18.805.286.361	18.805.286.361		18.805.286.361	9.540.709.361	2.467.581.000	1.676.535.000	1.761.224.000	1.583.558.000	1.102.707.000	672.972.000
1	Chi ngân sách nhà nước	18.797.286.361	18.797.286.361		18.797.286.361	9.532.709.361	2.467.581.000	1.676.535.000	1.761.224.000	1.583.558.000	1.102.707.000	672.972.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	12.629.000.000	12.629.000.000		12.629.000.000	7.513.423.000	1.291.581.000	991.535.000	945.224.000	821.558.000	600.707.000	464.972.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	6.168.286.361	6.168.286.361		6.168.286.361	2.019.286.361	1.176.000.000	685.000.000	816.000.000	762.000.000	502.000.000	208.000.000
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ											
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	8.000.000	8.000.000		8.000.000	8.000.000						
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ											
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	8.000.000	8.000.000		8.000.000	8.000.000						